

3. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ kiểm tra, xem xét hoặc phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, xem xét và báo cáo để Nhà nước xét khen thưởng hoặc tuyên dương anh hùng vào dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 50 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam cho các đối tượng sau:

a) Những cán bộ, chiến sĩ thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ đã lập công xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến hoặc trong khi làm nghĩa vụ quốc tế, đủ tiêu chuẩn được tặng thưởng Huân chương hoặc tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" nhưng đến nay chưa được tặng thưởng hoặc tuyên dương;

b) Những tập thể, cá nhân thuộc các Bộ, ngành, địa phương đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hoặc trong khi làm nghĩa vụ quốc tế, đủ tiêu chuẩn "Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" hoặc "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" nhưng đến nay chưa được tuyên dương;

c) Những tập thể, cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ có thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ từ năm 1986 đến năm 1994.

4. Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương cần chỉ đạo chặt chẽ công tác thi đua khen thưởng trên cơ sở quán triệt Chỉ thị số 46-TTg ngày 3-11-1992 của Thủ tướng Chính phủ về công tác khen thưởng. Phải làm cho công tác thi đua, khen thưởng ở ngành mình, địa phương mình thực sự trở thành động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới. Không nên nhân các ngày lễ lớn, nhân ngày truyền thống đơn vị mà xét khen thưởng một cách dễ dãi, tùy tiện hạ thấp tiêu chuẩn, mở rộng diện được khen thưởng. Cần tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm trong hai năm 1994, 1995 việc khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và khen thưởng cán bộ theo Thông tri số 38-TT/TW ngày 25-10-1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Không để kéo dài sang năm 1996.

5. Viện Thi đua và khen thưởng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra, đôn

đốc các cấp, các ngành thi hành Chỉ thị này; đồng thời phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương nghiên cứu, sớm xây dựng quy chế khen thưởng mới, trình Chính phủ.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 396-TTg ngày 4-8-1994 về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm về quản lý ngoại tệ trong tình hình mới.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ kết luận của Chính phủ tại phiên họp ngày 27 tháng 4 năm 1994 về việc tăng cường một bước công tác quản lý ngoại tệ trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Mọi nguồn thu ngoại tệ về xuất khẩu, làm dịch vụ với nước ngoài và các nguồn thu ngoại tệ khác ở trong nước của các tổ chức và đơn vị đều phải gửi vào tài khoản của mình mở tại các Ngân hàng được phép hoạt động kinh doanh ngoại tệ ở Việt Nam. Riêng các tổ chức và đơn vị dưới đây được mở tài khoản tiền gửi ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ sản xuất, kinh doanh:

1. Các Ngân hàng và Công ty Tài chính có đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để kinh doanh và thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế phục vụ khách hàng.

2. Các đơn vị thuộc ngành hàng không, hàng hải, bưu điện, bảo hiểm mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện thu, chi tại chỗ và thanh

toán bù trừ cho hoạt động của mình theo thông lệ quốc tế.

3. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được mở tài khoản ngoại tệ để vay vốn nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

4. Các đơn vị kinh tế của Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ cho phép đặt trụ sở ở nước ngoài để hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cấp giấy phép mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài cho từng tổ chức, đơn vị cụ thể nói trên và kiểm tra sự hoạt động của tổ chức, đơn vị trên các tài khoản đó.

Điều 2.- Các tổ chức, đơn vị được giữ lại một phần số ngoại tệ có trên tài khoản để đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị mình. Phần ngoại tệ còn lại chưa sử dụng trong quý phải bán cho các Ngân hàng và Công ty Tài chính được phép kinh doanh ngoại tệ.

Ngân hàng Nhà nước cùng với các tổ chức, đơn vị có thu nhiều ngoại tệ tính toán số ngoại tệ đơn vị cần giữ lại từng quý để sử dụng ngay, làm cơ sở cho việc mua bán ngoại tệ với Ngân hàng; hướng dẫn các Ngân hàng Thương mại và Công ty Tài chính thực hiện việc mua ngoại tệ của các đơn vị để sử dụng cho yêu cầu ngoại tệ chung; đồng thời tính toán, xác định mức chênh lệch giữa tỷ giá ngoại tệ mua vào, bán ra một cách hợp lý, không để các đơn vị bị thiệt do chênh lệch giá bán ngoại tệ cho Ngân hàng và mua lại ngoại tệ của Ngân hàng.

Điều 3.- Các tổ chức và đơn vị (trừ các Ngân hàng, Công ty Tài chính được phép kinh doanh ngoại tệ) không được trực tiếp cho vay, thanh toán, mua bán, chuyển nhượng ngoại tệ cho nhau. Mọi việc thanh toán, mua bán, chi trả ngoại tệ đều phải thực hiện qua các Ngân hàng hoặc Công ty Tài chính được phép kinh doanh ngoại tệ.

Việc sử dụng ngoại tệ của các tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 2 chủ yếu là để thanh toán, chi trả tiền hàng nhập khẩu và dịch vụ với nước ngoài hoặc trả nợ tiền vay cho các chủ nợ ở trong nước, nước ngoài; việc thanh toán với nhau bằng ngoại tệ giữa các đơn vị trong nước chỉ thực hiện đối với các trường hợp sau:

1. Thanh toán qua tài khoản ngoại tệ giữa các đơn vị ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.

2. Thanh toán các chi phí, dịch vụ cho các tổ chức làm đại lý cho nước ngoài như bán vé, cước vận tải hàng không, hàng hải, mua bảo hiểm, tái bảo hiểm nước ngoài, cước phí bưu điện quốc tế, thanh toán cho các đại lý nước ngoài.

Điều 4.- Để tiến tới thực hiện mục tiêu trên lãnh thổ Việt Nam chỉ lưu hành tiền Việt Nam, những tổ chức và đơn vị có các cửa hàng bán hàng hoặc làm dịch vụ thu ngoại tệ ở trong nước theo giấy phép của Ngân hàng Nhà nước nay đều phải chuyển sang thu bằng tiền Việt Nam. Các cửa hàng bán hàng miễn thuế và các cửa hàng dịch vụ phục vụ khách nước ngoài ở các sân bay, hải cảng, và những nơi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, được tiếp tục duy trì thu ngoại tệ trực tiếp của khách hàng theo giấy phép của Ngân hàng Nhà nước.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra các Ngân hàng, Công ty Tài chính được phép kinh doanh ngoại tệ trong việc tổ chức các bàn đổi tiền rộng khắp ở các khách sạn, trung tâm đô thị lớn và những nơi cần thiết khác để phục vụ những người có ngoại tệ đổi thành tiền Việt Nam một cách dễ dàng, thuận lợi.

Điều 5.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1994. Những quy định về quản lý ngoại tệ trong Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Điều 7 và Điều 9, chương II Nghị định số 161-HDBT ngày 18-10-1988; Điều 1 Quyết định số 337-HDBT ngày 25-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và các điểm 1 và 2 Chỉ thị số 330-CT ngày 13-9-1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Những quy định khác trong các văn bản trên không trái với Quyết định này đều được tiếp tục thực hiện.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 6.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI